

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

HỢP ĐỒNG KINH TẾ

Số: 54 /2012/HĐKT

Về việc: Kiểm tra, Thẩm định và Nghiệm thu sản phẩm “Xây dựng lưới địa chính, thành lập bản đồ và hồ sơ địa chính, đăng ký cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất xã Hiệp Lợi và phường Lái Hiếu, thị xã Ngã Bảy, tỉnh Hậu Giang”.

Căn cứ Bộ Luật dân sự số 33/2005/QH11 được Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam thông qua ngày 14 tháng 6 năm 2005, có hiệu lực từ ngày 01 tháng 01 năm 2006;

Căn cứ Quyết định số 2738/QĐ-UBND ngày 11 tháng 12 năm 2008 của UBND tỉnh Hậu Giang V/v phê duyệt Dự án tổng thể xây dựng hệ thống hồ sơ địa chính và cơ sở dữ liệu quản lý đất đai tỉnh Hậu Giang giai đoạn 2008-2010, định hướng đến năm 2015 tỉnh Hậu Giang;

Căn cứ Công văn số 213/UBND- KTTH ngày 20 tháng 02 năm 2012 của Ủy ban nhân dân tỉnh Hậu Giang V/v chọn hình thức đặt hàng để lựa chọn nhà thầu thực hiện 7 gói thầu còn lại của Dự án tổng thể;

Căn cứ Quyết định số 143/QĐ-STNMT ngày 28 tháng 3 năm 2012 của Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Hậu Giang về việc phê duyệt Thiết kế Kỹ thuật – Dự toán: “Xây dựng lưới địa chính, thành lập bản đồ địa chính, đăng ký cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất thị xã Ngã Bảy, tỉnh Hậu Giang”;

Căn cứ Quyết định số 224/QĐ-STNMT ngày 02 tháng 7 năm 2012 của Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Hậu Giang V/v điều chỉnh, bổ sung Quyết định số 143/QĐ-STNMT ngày 28 tháng 3 năm 2012 của Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Hậu Giang;

Căn cứ Quyết định số 271/QĐ-SNTMT ngày 30 tháng 8 năm 2012 của Sở Tài nguyên và Môi trường V/v phê duyệt kết quả đặt hàng thực hiện công trình: Kiểm tra, Thẩm định và Nghiệm thu sản phẩm “Xây dựng lưới địa chính, thành lập bản đồ và hồ sơ địa chính, đăng ký cấp Giấy CNQSDĐ, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất xã Hiệp Lợi và phường Lái Hiếu, thị xã Ngã Bảy, tỉnh Hậu Giang,

Hôm nay, ngày 25 tháng 9 năm 2012, tại Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Hậu Giang, chúng tôi gồm có:

1. Bên chủ đầu tư: Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Hậu Giang (gọi tắt là bên A).

Người đại diện: Ông Nguyễn Văn Huyền.

Chức vụ: Giám đốc.

Địa chỉ: Số 3, đường Xô Viết Nghệ Tĩnh, khu vực 4, phường 5, thành phố Vị Thanh, tỉnh Hậu Giang.

Điện thoại: 0711.3.878894.

Fax: 0711.3.878895.

Tài khoản số 8123.2.1005849 - Tại Kho bạc Nhà nước Hậu Giang.

Mã số thuế: 1800544875.

2. Bên thi công: Công ty Tư vấn Triển khai Công nghệ và Xây dựng Mỏ - Địa chất (gọi tắt là bên B).

Đại diện là: PGS-TS. Trần Đình Kiên.

Chức vụ: Giám đốc.

Địa chỉ: Số 36, ngõ 30, phố Tạ Quang Bửu, quận Hai Bà Trưng, TP. Hà Nội.

Văn phòng giao dịch: Tầng 1 – nhà A – Trường Đại học Mỏ - Địa chất – Đông Ngạc – Từ Liêm – Hà Nội.

Điện thoại: 043.7550428.

Fax: 043.7550428.

Mã số thuế: 0101074336.

Tài khoản: 102010000686178 tại Ngân hàng Công thương Việt Nam – chi nhánh Nam Thăng Long – Hà Nội.

Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh: 113123 cấp ngày 24/10/2000

Hai bên thoả thuận ký kết hợp đồng kinh tế với các điều khoản sau:

Điều 1. Nội dung công việc hợp đồng.

Bên A giao cho bên B thực hiện công việc **Kiểm tra, Thẩm định và Nghiệm thu sản phẩm** “Xây dựng lưới địa chính, thành lập bản đồ và hồ sơ địa chính, đăng ký **phối hợp** cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất xã Hiệp Lợi và phường Lái Hiếu, thị xã Ngã Bảy, tỉnh Hậu Giang”. Gồm các công việc chính như sau:

Khối lượng công việc chính:

- Xây dựng lưới địa chính: 22 điểm.
- Thành lập bản đồ địa chính khoảng: 2.396.23 ha.
 - + Bản đồ địa chính tỷ lệ 1/1000: 918,30 ha.
 - + Bản đồ địa chính tỷ lệ 1/2000: 1.477,93 ha.
- Lập hồ sơ địa chính, đăng ký, cấp, đổi GCNQSDĐ: 6.696 giấy, trong đó:
 - + Cấp mới tại phường: 108 giấy.
 - + Cấp mới tại xã: 228 giấy.
 - + Cấp đổi tại phường: 2.118 giấy.
 - + Cấp đổi tại xã: 4.242 giấy.

Điều 2. Chất lượng và các yêu cầu kỹ thuật.

Tuân thủ theo các yêu cầu của quy trình quy phạm hiện hành của Bộ Tài nguyên và Môi trường và Thiết kế kỹ thuật dự toán đã được phê duyệt.

Sản phẩm Kiểm tra, Thẩm định và Nghiệm thu phải bảo đảm chất lượng theo quy định hiện hành và theo yêu cầu của chủ đầu tư (Bên A).

Điều 3. Giá trị hợp đồng và phương thức thanh toán.

3.1. Giá trị hợp đồng:

Giá trị hợp đồng tạm tính sau thuế: 234.930.457 đồng, làm tròn số là: 234.930.000 đồng.

(Bằng chữ: Hai trăm ba mươi bốn triệu chín trăm ba mươi nghìn đồng chẵn).

Chi tiết xem trong bảng tính kinh phí đính kèm.

Giá trị Hợp đồng được dự toán vào thời điểm mức lương cơ bản của nhà nước quy định là 830.000 đồng. Nay thi công vào thời điểm mức lương cơ bản là 1.050.000 đồng.

Nếu bên B có đề nghị tính lại theo mức lương cơ bản mới (1.050.000 đồng) thì bên A sẽ đề nghị UBND tỉnh cho phép tính lại theo mức lương mới. Chỉ cấp kinh phí cho bên B theo mức lương cơ bản mới (1.050.000 đồng) khi được cấp thẩm có quyền phê duyệt, đồng thời với việc lập Phụ lục Hợp đồng. Ngược lại, nếu cấp thẩm quyền không chấp nhận thì sẽ theo đúng giá dự toán đã được phê duyệt để thanh toán cho bên B.

3.2. Giá trị quyết toán: Giá trị quyết toán công trình sẽ căn cứ vào khối lượng công việc nghiệm thu, các định mức, quy định hiện hành và theo quyết toán cuối cùng của cấp có thẩm quyền.

3.3. Phương thức thanh toán kinh phí kiểm tra nghiệm thu:

Kinh phí kiểm tra nghiệm thu được tính thông qua khối lượng thực hiện các công việc đã nghiệm thu. Việc thanh toán bằng chuyển khoản và thanh toán làm nhiều đợt theo khối lượng hoàn thành được chủ đầu tư xác nhận theo từng đợt, như sau:

- Khi hợp đồng được ký, bên B tổ chức triển khai thi công, bên A cấp tạm ứng cho bên B 40% giá trị hợp đồng. Với số tiền 93.972.000 đồng *(Bằng chữ: Chín mươi ba triệu chín trăm bảy mươi hai nghìn đồng chẵn).*

- Khi hoàn thành công việc xây dựng lưới địa chính, do đặc thành lập bản đồ địa chính và được chủ đầu tư nghiệm thu xong. Bên A sẽ thanh toán cho bên B không quá 90% giá trị khối lượng hoàn thành đã được nghiệm thu (phải trừ 40% kinh phí đã tạm ứng ban đầu).

Điều 8. Điều khoản chung.

- Hai bên cam kết thực hiện nghiêm chỉnh các điều khoản đã nêu trong hợp đồng. Trong quá trình thực hiện hợp đồng nếu có gì vướng mắc, hai bên cùng nhau thỏa thuận giải quyết. Trường hợp phát sinh tranh chấp về quyền và nghĩa vụ hợp đồng, nếu hai bên không thỏa thuận được sẽ do Tòa án kinh tế giải quyết.

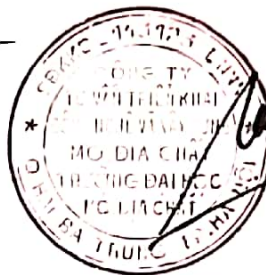
- Hợp đồng được lập thành 10 bản có giá trị pháp lý như nhau; bên A giữ 06 bản, bên B giữ 04 bản và có hiệu lực kể từ ngày ký./.

**ĐẠI DIỆN BÊN A
GIÁM ĐỐC**



Nguyễn Văn Huyền

**ĐẠI DIỆN BÊN B
GIÁM ĐỐC**



PGS.TS: Trần Đình Kiên

TỔNG HỢP DỰ TOÁN KINH PHÍ

(Xã Hiệp Lợi và Phường Lái Hiếu, TX Ngã Bảy, tỉnh Hậu Giang)

STT	Nội dung công việc	DVT	KK	Khối lượng	Đơn giá (đồng)	Thành tiền (đồng)
I	XÂY DỰNG LƯỚI ĐỊA CHÍNH			22		119.481.111
1	Chọn điểm, chôn mốc bê tông	Điểm	2	22	1.992.045	43.824.993
2	Xây tường vây	Điểm	2	22	1.781.292	39.188.423
3	Tiếp điểm có tường vây	Điểm	3	4	410.435	1.641.741
4	Đo ngắm GPS, phục vụ KTNT	Điểm	2	26	1.135.982	29.535.544
5	Tính toán bình sai	Điểm	1-5	22	240.473	5.290.410
II	ĐO VẼ BẢN ĐỒ ĐỊA CHÍNH			2.396,23		4.556.228.465
1	Đo vẽ BĐĐC tỷ lệ 1/1.000			918,30		3.174.114.547
	- Ngoại nghiệp	Ha		918,30		2.742.070.570
			3	518,30	2.573.184	1.333.681.438
			4	400,00	3.520.973	1.408.389.131
	- Nội nghiệp	Ha		918,30		432.043.977
			3	518,30	453.723	235.164.496
			4	400,00	492.199	196.879.482
2	Đo vẽ BĐĐC tỷ lệ 1/2.000			1.477,93		1.382.113.918
	- Ngoại nghiệp	Ha		1.477,93		1.113.243.840
			2	650,00	695.287	451.936.357
			3	827,93	798.748	661.307.483
	- Nội nghiệp	Ha		1.477,93		268.870.078
			2	650,00	174.262	113.270.330
			3	827,93	187.938	155.599.748
III	ĐĂNG KÝ, CẤP GCN			6.636		1.118.463.333
1	Cấp mới GCN tại xã	Giấy	1	228	147.365	33.599.269
2	Cấp mới GCN tại phường	Giấy	2	108	208.945	22.566.057
3	Cấp đổi GCN tại xã	Giấy		4.242		629.083.979
3.1	Khó khăn 1		1	2.121		301.278.760
	- Trường hợp thửa đất có thay đổi về hình dạng, diện tích ... Khi lập hồ sơ cấp đổi phải thông qua hội đồng xét duyệt (tạm tính 90% số giấy cấp đổi)			1.909	147.365	281.320.196
	- Trường hợp thửa đất không thay đổi so với diện tích đã cấp GCN (tạm tính 10% số thửa cấp đổi)			212	94.144	19.958.565
3.2	Khó khăn 2		2	2.121		327.805.219
	- Trường hợp thửa đất có thay đổi về hình dạng, diện tích ... Khi lập hồ sơ cấp đổi phải thông qua hội đồng xét duyệt (tạm tính 90% số giấy cấp đổi)			1.909	160.757	306.884.943
	- Trường hợp thửa đất không thay đổi so với diện tích đã cấp GCN (tạm tính 10% số thửa cấp đổi)			212	98.681	20.920.276

4	Cấp đổi GCN tại phường			2.058		433.214.028
4.1	Khó khăn 2		2	999		211.493.357
	- Trường hợp thửa đất có thay đổi về hình dạng, diện tích ... Khi lập hồ sơ cấp đổi phải thông qua hội đồng xét duyệt (tạm tính 90% số giấy cấp đổi)			953	208.945	199.124.556
	- Trường hợp thửa đất không thay đổi so với diện tích đã cấp GCN (tạm tính 10% số thửa cấp đổi)			106	116.687	12.368.802
4.2	Khó khăn 3		3	1.059		221.720.671
	- Trường hợp thửa đất có thay đổi về hình dạng, diện tích ... Khi lập hồ sơ cấp đổi phải thông qua hội đồng xét duyệt (tạm tính 90% số giấy cấp đổi)			953	219.334	209.025.304
	- Trường hợp thửa đất không thay đổi so với diện tích đã cấp GCN (tạm tính 10% số thửa cấp đổi)			106	119.768	12.695.367
	CỘNG (I+II+III)					5.794.172.909
A	Cộng ngoại nghiệp					1.819.377.388
B	Cộng nội nghiệp					700.914.055
B.1	- Thành lập bản đồ địa chính					1.118.463.333
B.2	- ĐKTK, cấp GCN					3.179.836.416
C	Chi phí trực tiếp ngoại nghiệp					1.556.671.857
D	Chi phí trực tiếp nội nghiệp					584.095.046
D.1	- Thành lập bản đồ địa chính					972.576.811
D.2	- ĐKTK, cấp GCN					314.032.805
IV	CHI KHÁC					100.459.663
1	Chi khảo sát lập TKKT-DT					75.552.913
	- Ngoại nghiệp (2,376% *C)					24.906.750
	- Nội nghiệp (1,6% *D)					213.573.142
2	Chi kiểm tra nghiệm thu					158.991.821
	- Ngoại nghiệp (4% *A)					54.581.322
	- Nội nghiệp (3% *B)					21.357.314
V	THUẾ GTGT: (10%)					234.930.457
VI	Tổng dự toán kinh phí KTNT					234.930.000
	Làm tròn					

(Tổng số tiền bằng chữ: Hai trăm ba mươi bốn triệu chín trăm ba mươi nghìn đồng chẵn).

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

PHỤ LỤC HỢP ĐỒNG

Số: /2015/PLHD

**Về việc thay đổi thông tin Bên A và điều chỉnh thời gian thực hiện
số 54/2012/HĐKT ngày 25 tháng 9 năm 2012.**

I/ Căn cứ để ký phụ lục hợp đồng:

Căn cứ Hợp đồng kinh tế số 54/2012/HĐKT ngày 25 tháng 9 năm 2012 giữa Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Hậu Giang với Công ty tư vấn, Triển khai Công nghệ và Xây dựng Mô - Địa chất về việc Kiểm tra, thẩm định và Nghiệm thu sản phẩm “ Xây dựng lưới địa chính, thành lập bản đồ địa chính, lập hồ sơ địa chính đăng ký cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất xã Hiệp Lợi và Phường Lái Hiếu, thị xã Ngã Bảy, tỉnh Hậu Giang”;

Căn cứ Quyết định số 1801/QĐ-UBND ngày 22 tháng 12 năm 2015 của UBND tỉnh Hậu Giang về việc điều chỉnh thời gian thực hiện Dự án đo đạc tổng thể tỉnh Hậu Giang tại Điều 1 Quyết định số 2738/QĐ-UBND ngày 11/12/2008 của UBND tỉnh Hậu Giang;

Căn cứ Quyết định số 282/QĐ-UBND ngày 2 tháng 3 năm 2015 của UBND tỉnh Hậu Giang về việc bổ nhiệm ông Hồ Văn Phú giữ chức vụ Giám đốc Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Hậu Giang.

Hôm nay, ngày 26 tháng 12 năm 2015, tại Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Hậu Giang, chúng tôi gồm các bên dưới đây:

III/ Các bên ký phụ lục hợp đồng:

BÊN A: Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Hậu Giang

Người đại diện: **Ông Hồ Văn Phú**, Chức vụ: **Giám đốc**

Địa chỉ: Số 03, đường Xô Viết Nghệ Tĩnh, Khu Hành chính Ủy ban, phường 5, TP.Vị Thanh, tỉnh Hậu Giang.

Điện thoại: 0711.3878894 - 3870801, Fax : 0711.3878895

Tài khoản số: 9527.2.1005849, tại: Kho bạc Nhà nước Hậu Giang.

Mã số thuế: 1800544875

**BÊN B: Công ty tư vấn Triển khai Công nghệ và Xây dựng Mô - Địa
chất**

Người đại diện: **PGS – TS. Trần Đình Kiên**, Chức vụ: **Giám đốc**.



Địa chỉ trụ sở chính: số 36, ngõ 30, phố Tạ Quang Bửu, quận Hai Bà Trưng, thành phố Hà Nội.

Văn phòng giao dịch: Tầng 1-nhà A-Trường Đại học Mỏ - Địa chất - Đông Ngạc - Từ Liêm - Hà Nội.

Điện thoại: 043.7550428, Fax: 043.7550428

Tài khoản số: 102010000686178 tại: Ngân hàng Công thương Việt Nam - chi nhánh Nam Thăng Long - Hà Nội.

Mã số thuế: 0101074336

CÁC BÊN THỎA THUẬN KÝ KẾT PHỤ LỤC HỢP ĐỒNG VỚI CÁC ĐIỀU KHOẢN SAU:

Điều 1: Thay đổi thông tin Bên A:

*** Thông tin Bên A theo hợp đồng:**

Đại diện: Ông **Nguyễn Văn Huyền** chức vụ: **Giám đốc**.

Địa chỉ: Số 3, đường Xô Viết Nghệ Tĩnh, phường 5, thành phố Vị Thanh, tỉnh Hậu Giang.

Tài khoản số: 8123.2.1995849, tại: Kho bạc Nhà nước Hậu Giang.

*** Nay thay đổi thành:**

Người đại diện: Ông **Hồ Văn Phú**, Chức vụ: **Giám đốc**

Địa chỉ: Số 03, đường Xô Viết Nghệ Tĩnh, Khu Hành chính Ủy ban, phường 5, TP.Vị Thanh, tỉnh Hậu Giang.

Tài khoản số: 9527.2.1005849, tại: Kho bạc Nhà nước Hậu Giang.

Điều 2: Điều chỉnh thời gian thực hiện hợp đồng:

Sửa đổi thời gian thực hiện hợp đồng của Điều 4 Hợp đồng số 54/2012/HĐKT ngày 25 tháng 9 năm 2012 giữa Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Hậu Giang và Công ty tư vấn Triển khai Công nghệ và Xây dựng Mỏ - Địa chất như sau:

Thời gian thực hiện hợp đồng kể từ ngày ký kết đến hết ngày 31/12/2018.

Điều 3: Điều khoản chung

- Phụ lục hợp đồng này là một bộ phận không thể tách rời của Hợp đồng kinh tế số 54/2012/HĐKT ngày 25 tháng 9 năm 2012 giữa Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Hậu Giang với Công ty tư vấn, Triển khai Công nghệ và Xây dựng Mỏ - Địa chất.

- Các điều khoản khác thực hiện như đã ghi trong Hợp đồng số 54/2012/HĐKT ngày 25 tháng 9 năm 2012 và phụ lục hợp đồng đã ký.

- Phụ lục hợp đồng này có hiệu lực kể từ ngày ký và được lập thành 10 (mười) bộ, Bên A giữ 08 (tám) bộ, Bên B giữ 02 (hai) bộ, các bộ Phụ lục hợp đồng này có giá trị pháp lý như nhau./.

ĐẠI DIỆN BÊN A



GIÁM ĐỐC

Hồ Văn Phú

ĐẠI DIỆN BÊN B



GIÁM ĐỐC

PGS.TS. Trần Đình Kiên



CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

BIÊN BẢN THANH LÝ (Đợt 1)

Về việc: Kiểm tra, Thẩm định và Nghiệm thu sản phẩm “Xây dựng lưới địa chính, thành lập bản đồ và hồ sơ địa chính, đăng ký cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất xã Hiệp Lợi và phường Lái Hiếu, thị xã Ngã Bảy, tỉnh Hậu Giang”.

***(Công đoạn Kiểm tra, Thẩm định và Nghiệm thu sản phẩm
Xây dựng lưới địa chính, thành lập bản đồ địa chính)***

Căn cứ Hợp đồng kinh tế số 54/2012/HĐKT ngày 25/9/2012 giữa Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Hậu Giang (Bên A) và Công ty Tư vấn Triển khai Công nghệ và Xây dựng Mỏ - Địa chất (Bên B) v/v Kiểm tra, Thẩm định và Nghiệm thu sản phẩm “Xây dựng lưới địa chính, thành lập bản đồ và hồ sơ địa chính, đăng ký cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất xã Hiệp Lợi và phường Lái Hiếu, thị xã Ngã Bảy, tỉnh Hậu Giang”;

Căn cứ vào Hồ sơ kiểm tra nghiệm thu chất lượng sản phẩm cấp chủ đầu tư đã hoàn thành công đoạn “Xây dựng lưới địa chính, thành lập bản đồ địa chính xã Hiệp Lợi và phường Lái Hiếu, thị xã Ngã Bảy, tỉnh Hậu Giang”.

Hôm nay, ngày 13 tháng 12 năm 2013, tại Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Hậu Giang, chúng tôi gồm:

BÊN A: SỞ TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG TỈNH HẬU GIANG

Người đại diện: Ông Nguyễn Văn Huyền. Chức vụ: Giám đốc.

Địa chỉ: Đường Xô Viết Nghệ Tĩnh, phường 5, TP.Vị Thanh, tỉnh Hậu Giang.

Điện thoại: 0711.878894. Fax: 0711.878895.

Tài khoản số: 8123.2.1005849 tại Kho bạc Nhà nước tỉnh Hậu Giang.

Mã số thuế: 1800544875.

BÊN B: CÔNG TY TƯ VẤN TRIỂN KHAI CÔNG NGHỆ VÀ XÂY DỰNG MỎ - ĐỊA CHẤT

Người đại diện: PGS-TS. Trần Đình Kiên. Chức vụ: Giám đốc.

Địa chỉ: Số 36, ngõ 30, Tạ Quang Bửu, Hai Bà Trưng, TP. Hà Nội.

Điện thoại: 043.7550428. Fax: 043.7550428.

Mã số thuế: 0101074336.

Tài khoản: 102010000686178 tại Ngân hàng Công thương Việt Nam – chi nhánh Nam Thăng Long – Hà Nội.

Hai bên thống nhất lập biên bản thanh lý công đoạn Kiểm tra, Thẩm định và Nghiệm thu sản phẩm Xây dựng lưới địa chính, thành lập bản đồ địa chính; công trình *Kiểm tra, Thẩm định và Nghiệm thu sản phẩm “Xây dựng lưới địa chính, thành lập bản đồ và hồ sơ địa chính, đăng ký cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất xã Hiệp Lợi và phường Lái Hiếu, thị xã Ngã Bảy, tỉnh Hậu Giang”*; bên B đã hoàn thành cho hợp đồng số 54/2012/HĐKT ngày 25/9/2012 như sau:

I. Giá trị thanh lý: 197.155.000 đồng.

(Bằng chữ: Một trăm chín mươi bảy triệu một trăm năm mươi lăm nghìn đồng chẵn)

II. Thanh toán kinh phí:

II.1 Giá trị thanh toán được tính (theo mục 3.3 Điều 3 của hợp đồng):

$$197.155.000 \times 90\% = 177.439.500 \text{ đồng}$$

(Bằng chữ: Một trăm bảy mươi bảy triệu bốn trăm ba mươi chín nghìn năm trăm đồng)

II.2 Khấu trừ số tiền tạm ứng: 93.972.000 đồng

Trong đó:

STT	Nội dung công việc Kiểm tra, nghiệm thu	Giá trị HĐ (đồng)	40% tạm ứng (đồng)	Giá trị khấu trừ tạm ứng đợt này
1	Xây dựng lưới địa chính và đo vẽ bản đồ địa chính và cấp giấy CNQSDĐ	234.930.000	93.972.000	93.972.000
	Tổng cộng	234.930.000	93.972.000	93.972.000

II.3 Số tiền còn thanh toán:

$$177.439.500 - 93.972.000 = 83.467.500 \text{ đồng}$$

(Bằng chữ: Tám mươi ba triệu bốn trăm sáu mươi bảy nghìn năm trăm đồng)

II.4 Kinh phí còn lại (phần công đoạn theo thanh lý đợt 1 này):

$$197.155.000 - 177.439.500 = 19.715.500 \text{ đồng}$$

(Bằng chữ: Mười chín triệu bảy trăm mười lăm nghìn năm trăm đồng)

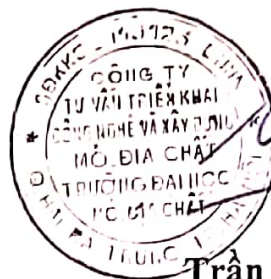
Biên bản thanh lý được lập thành 10 bản có giá trị như nhau, bên A giữ 06 bản, bên B giữ 04 bản./.

BÊN A
GIÁM ĐỐC



Nguyễn Văn Huyền

BÊN B
GIÁM ĐỐC



Trần Đình Kiên



